

PHỤ LỤC 1

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRÚNG HẠN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 XÃ ĐẮC TÔI**

(Kèm theo Tờ trình số: **176** /TT/- UBND ngày **12** tháng **12** năm 2023 của UBND huyện Nam Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Địa phương/ danh mục công trình	Quy mô	Năm khởi công	Số lượng công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư			Phân kỳ đầu tư			
					Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn		Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện	
						Trong đó					
						NS tỉnh	NS Huyện	2024	2025	2024	2025
A	ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG 02 XÃ ĐÍCH			4	11.560	10.000	1.560	6.353	3.647	900	660
I	CÔNG TRÌNH NĂM 2024			4	11.560	10.000	1.560	6.353	3.647	900	660
	Xã Đắc Tôi			4	11.560	10.000	1.560	6.353	3.647	900	660
1	Nhà văn hóa thôn Đắc Ro, xã Đắc Tôi	Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh	2024		1.200	1.080	120	1.000	80	100	20
2	Nhà văn hóa thôn Đắc Rích, xã Đắc Tôi	Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh, sân nền, nền sân, kè bảo vệ	2024		2.500	2.250	250	1.500	750	150	100
3	Nhà văn hóa thôn Xóm 10, xã Đắc Tôi	Nhà sinh hoạt cộng đồng, Nhà vệ sinh, sân nền, nền sân, kè bảo vệ	2024		2.300	2.070	230	1.500	570	150	80
4	Nghĩa trang nhân dân xã Đắc Tôi	sân nền 1,8ha; đường nội bộ, cầu BTCT qua suối Chà Kiếp và đường dẫn vào cầu	2024		5.560	4.600	960	2.353	2.247	500	460

PHỤ LỤC 2
TỔNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NAM GIANG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 SAU KHI ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
 (Kèm theo Tờ trình số: 176 /TTr- UBND ngày 12 tháng 12 năm 2023 của UBND huyện Nam Giang)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Địa phương/ danh mục công trình	Đơn vị tính	Quy mô	Năm khởi công	Số lượng công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư					Ngân sách Trung ương					Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện					
						Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			NS Huyện																
							Tổng NS TW, tỉnh	Trong đó																		
								NS TW	Định mức		Di dời trụ điện															
						2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	
	TỔNG CỘNG	CT			45	86.449	73.993	45.543	28.000	450	12.457	0	20.543	15.400	9.600	0	2.000	3.000	5.450	10.353	7.647	0	2.988	4.090	3.290	2.089
A	ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG 11 XÃ	CT			25	52.876	45.543	45.543	0	0	7.334	0	20.543	15.400	9.600	0	0	0	0	0	0	0	1.800	2.803	1.802	929
I	CÔNG TRÌNH NĂM 2022	CT			11	25.100	20.543	20.543	0		4.558	0	20.543	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.800	1.846	912	0
	Xã Cà Dỵ				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	0
1	Công trình Nghĩa trang nhân dân xã Cà Dỵ	ha	Cắm mốc, phân lô, phóng tuyến, chỉnh trang, san nền, cứng hóa đường nội bộ, tường rào công ngõ (01 ha)	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
	Xã Tà Bhing				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	0
2	Công trình Nghĩa trang nhân dân xã Tà Bhing	ha	Cắm mốc, phân lô, phóng tuyến, chỉnh trang, san nền, cứng hóa đường nội bộ, tường rào công ngõ (01 ha)	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
	Xã Tà Pơ				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	0
3	Cầu BTCT vào khu dân cư thôn Vinh, xã Tà Pơ; Địa điểm: từ nhà ông Bhlhing Ôn đến nhà ông A Lăng Lương, thôn Vinh, xã Tà Pơ	m	Cầu BTCT	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
	Xã Chà Vài				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	0
4	Công trình cầu BTCT liên thôn cụm La Bơ A - A Dinh, xã Chà Vài	m	Cầu BTCT	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
	Xã Đắc Tỏi				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	0
5	Công trình Cầu BTCT tại thôn Đắc Rích, xã Đắc Tỏi	m	Cầu BTCT	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
	Xã Đắc Pre				1	3.500	1.868	1.868	0		1.633	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	653	653	327	0
6	Công trình Cầu BTCT khe Chà Cóp; Địa điểm: thôn 58 xã Đắc Pre	m	Cầu BTCT	2022		3.500	1.868	1.868			1.633		1.868										653	653	327	
	Xã Đắc Pring				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	0
7	Công trình Trường PTDTBT THCS liên xã Đắc Pring - Đắc Pre; Hạng mục: 06 phòng hiệu bộ	m2	06 phòng hiệu bộ	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
	Xã Zuôih				1	2.700	1.868	1.868	0		833	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	310	356	167	0
8	Công trình Đường bê tông Tổ 6 thôn Công Dồn	m	đường BTXM dài 1,25km, 2 công hộp	2022		2.700	1.868	1.868			833		1.868										310	356	167	
	Xã La Dêê				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	0
9	Công trình Trường mẫu giáo xã La Dêê HM: 02 phòng công vụ giáo viên, nhà ăn và bếp ăn học sinh, tường rào; Địa điểm: thôn Đắc Ốc, xã La Dêê	m2	02 phòng công vụ giáo viên, nhà ăn và bếp ăn học sinh, tường rào	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
	Xã La Êê				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	

TT	Địa phương/ danh mục công trình	Đơn vị tính	Quy mô	Năm khởi công	Số lượng công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư					Ngân sách Trung ương					Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện					
						Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			NS Huyện																
							Tổng NS TW, tỉnh	Trong đó																		
								NS TW	Định mức		Dĩ dôi trụ điện															
10	Công trình Trường PTDTBT THCS liên xã La Êê - Chợ Chun; HM: Nhà đa năng; Địa điểm: Thôn Pà Ooi, xã La Êê	m2	Nhà đa năng	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
	Xã Chợ Chun				1	2.100	1.868	1.868	0		233	0	1.868	0	0	0	0	0	0	0	0	0	93	93	47	0
11	Công trình Hệ thống nước sinh hoạt cụm dân cư Grat thôn BLăng, xã Chợ Chun	m	Đập dựng, bể lọc, bể chứa, 3km ống nước	2022		2.100	1.868	1.868			233		1.868										93	93	47	
II	CÔNG TRÌNH NĂM 2023	CT			14	21.359	19.225	19.225	0	0	2.134			15.400	3.825	0			0	0	0			957	506	671
	Xã Cà Dy				1	889	800	800	0	0	89			800	0	0			0	0	0			89	0	0
1	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Bến Giằng, xã Cà Dy	CT	Sửa chữa nhà văn hóa, tường rào, cổng ngõ, sân nền, nhà vệ sinh	2023		889	800	800	0	0	89			800	0	0			0	0	0			89	0	0
	Xã Tà Bhing				1	3.333	3.000	3.000	0	0	333			3.000	0	0			0	0	0			100	100	133
2	Sửa chữa nâng cấp khu thể thao xã Tà Bhing	CT	Tường rào, cổng ngõ, sân cầu lông, bóng chuyền, kệ chống sạt lở tạ luy chân tường rào	2023		3.333	3.000	3.000	0	0	333			3.000	0	0			0	0	0			100	100	133
	Xã Tà Pơ				1	889	800	800	0	0	89			800	0	0			0	0	0			89	0	0
3	Sửa chữa, nâng cấp sân vận động xã Tà Pơ	CT	Tường rào, cổng ngõ, hệ thống rãnh thoát nước sân	2023		889	800	800	0	0	89			800	0	0			0	0	0			89	0	0
	Xã Chà Văl				1	1.805	1.625	1.625	0	0	180			800	825	0			0	0	0			54	54	72
4	Nâng cấp khu thể thao xã Chà Văl	CT	Tường rào, cổng ngõ, sân cầu lông, bóng chuyền	2023		1.805	1.625	1.625	0	0	180			800	825	0				0	0			54	54	72
	Xã Đắc Tời				3	3.665	3.300	3.300	0	0	365			3.000	300	0			0	0	0			111	111	143
5	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa 02 thôn Đắc Ro và Đắc Rích, xã Đắc Tời	CT	Sửa chữa nâng cấp, xây dựng tường rào, cổng ngõ, sân khấu ngoài trời	2023		1.555	1.400	1.400	0	0	155			1.250	150	0			0	0	0			47	47	61
6	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời của 02 thôn: Đắc Tà Văng và Xóm 10, xã Đắc Tời	CT	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời	2023		555	500	500	0	0	55			500	0	0			0	0	0			17	17	21
7	Nhà văn hóa 02 thôn Đắc Tà Văng và Xóm 10, xã Đắc Tời	CT	Sửa chữa nâng cấp, xây dựng tường rào, cổng ngõ, sân khấu ngoài trời	2023		1.555	1.400	1.400	0	0	155			1.250	150	0			0	0	0			47	47	61
	Xã Đắc Pre				1	917	825	825	0	0	92			800	25	0			0	0	0			92	0	0

TT	Địa phương/ danh mục công trình	Đơn vị tính	Quy mô	Năm khởi công	Số lượt g công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư					Ngân sách Trung ương					Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện					
						Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn																			NS Huyện
							Tổng NS TW, tỉnh	Trong đó																		
								NS TW	Định mức	Di dời trụ điện																
											2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	
8	Khu thể thao thôn 56b, Đắc Pre	CT	San ủi nền sân, sân bóng chuyền, cầu lông, khu vui chơi giải trí cho người già và trẻ em	2023		917	825	825			92			800	25									92	0	0
	Xã Đắc Pring				1	1.805	1.625	1.625	0	0	180			800	825	0			0	0	0			54	54	72
9	Hệ thống nước sinh hoạt thôn 49A, xã Đắc Pring	CT	Đắp dâng, ống dẫn nước, bể chứa tập trung	2023		1.805	1.625	1.625			180			800	825									54	54	72
	Xã Zuôihi				1	1.805	1.625	1.625	0	0	180			800	825	0			0	0	0			54	54	72
10	Nâng cấp, sửa chữa nâng cấp khu thể thao xã Zuôihi	CT	Tường rào, cổng ngõ, khán đài, sân nền mở rộng	2023		1.805	1.625	1.625	0	0	180			800	825	0			0	0	0			54	54	72
	Xã La Đêê				2	4.445	4.000	4.000	0	0	445			3.000	1.000	0			0	0	0			133	133	179
11	Nhà văn hóa xã La Đêê	CT	Hội trường, sân khấu, 01 phòng chức năng, 02 phòng vệ sinh	2023		3.167	2.850	2.850	0	0	317			2.100	750	0			0	0	0			95	95	127
12	Sửa chữa nâng cấp sân vận động xã La Đêê	CT	Tường rào, cổng ngõ, mái che sân khấu	2023		1.278	1.150	1.150	0		128			900	250	0			0	0	0			38	38	52
	Xã La Êê				1	917	825	825	0	0	92			800	25	0			0	0	0			92	0	0
13	Khu thể thao thôn Pà Lan, xã La Êê	CT	San ủi nền sân, làm sân bóng chuyền, sân cầu lông, khu vui chơi giải trí cho người già và trẻ em	2023		917	825	825			92			800	25									92	0	0
	Xã Chợ Chun				1	889	800	800	0	0	89			800	0	0			0	0	0			89	0	0
14	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt của 02 cụm: B Lăng và Cha Nhơn, Cồn Zốt, xã Chợ Chun	CT	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt	2023		889	800	800	0	0	89			800	0	0			0	0	0			89	0	0
III CÔNG TRÌNH NĂM 2024					8	6.417	5.775	5.775	0	0	642			0	5.775	0			0	0	0			0	384	258
1	Xã Tà Bỉnh				1	1.111	1.000	1.000	0	0	111			0	1.000	0			0	0	0			0	67	44
	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời thôn Tà Đắc	CT	Hệ thống điện chiếu sáng;	2024		1.111	1.000	1.000	0	0	111			0	1.000	0			0	0	0			0	67	44
3	Xã Đắc Tôi				2	777	700	700	0	0	77			0	700	0			0	0	0			0	46	31
	Nâng cấp khu văn hóa, thể thao xã Đắc Tôi	CT	Nâng cấp Sân khấu	2024		222	200	200	0	0	22			0	200	0			0	0	0			0	13	9
	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại 02 thôn: Đắc Ro và Đắc Rích	CT	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời	2024		555	500	500	0	0	55			0	500	0			0	0	0			0	33	22
4	Xã Cà Dy				1	917	825	825	0	0	92			0	825	0			0	0	0			0	55	37

TT	Địa phương/ danh mục công trình	Đơn vị tính	Quy mô	Năm khởi công	Số lượng công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư					Ngân sách Trung ương					Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện					
						Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			NS Huyện																
							Tổng NS TW, tỉnh	Trong đó																		
								NS TW	Định mức		Đi đôi trực tiếp															
	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn Pá Ong, xã Cà Dy	CT	Sửa chữa nhà, tường rào, cổng ngõ, sân nền, nhà vệ sinh	2024		917	825	825			92					825		0					55	37		
5	Xã Tà Pơ				1	917	825	825	0	0	92			0	825	0		0	0	0			0	55	37	
	Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại thôn Pá Tòih và thôn Vinh, xã Tà Pơ	CT	Lắp đặt Hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời	2024		917	825	825	0	0	92			0	825	0		0	0	0			0	55	37	
6	Xã La Êê				1	889	800	800	0	0	89			0	800	0		0	0	0			0	53	36	
	Công trình khu thể thao thôn Đắc Ngol, xã La Êê	CT	Sân ủi nền, làm sân bóng chuyền, khu vui chơi giải trí cho người già và trẻ em	2024		889	800	800	0	0	89			0	800	0		0	0	0			0	53	36	
7	Xã Đắc Pre				1	889	800	800	0	0	89			0	800	0		0	0	0			0	53	36	
	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn 56b, xã Đắc Pre	CT	Sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa	2024		889	800	800			89				800	0		0	0	0			0	53	36	
8	Xã Chơ Chun				1	917	825	825	0	0	92			0	825	0		0	0	0			0	55	37	
	Hệ thống nước sinh hoạt thôn A Xòo, xã Chơ Chun	CT	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt thôn A Xòo	2024		917	825	825	0	0	92			0	825	0		0	0	0			0	55	37	
B	ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG 02 XÃ ĐÍCH	CT			20	33.078	28.000	0	28.000	0	5.078	0	0	0	0	0	2.000	3.000	5.000	10.353	7.647	0	1.188	1.242	1.489	1.160
I	CÔNG TRÌNH NĂM 2021				2	2.845	2.000	0	2.000		845	0	0	0	0	0	2.000	0	0	0	0	0	423	422	0	0
	Xã Tà Bỉnh				1	1.145	1.000	0	1.000		145						1.000	0	0	0	0	0	73	72	0	0
1	Hệ thống điện chiếu sáng; Công chào tuyên truyền; Sửa chữa đường giao thông và Cầu treo	m	Hệ thống điện chiếu sáng; Công chào tuyên truyền; Sửa chữa đường giao thông và Cầu treo	2021		1.145	1.000		1.000		145						1.000						73	72		
	Xã La Đêê				1	1.700	1.000	0	1.000		700						1.000	0	0	0	0	0	350	350	0	0
2	Đường ra vùng sản xuất Đắc Bhy đi khu sản xuất Ca Zóch thôn Đắc Chơ Dây	m	Nền đường dài 1,1km,mặt đường BTXM dài 520m, 07 công thoát nước, mương thoát nước dọc	2021		1.700	1.000		1.000		700						1.000						350	350		
II	CÔNG TRÌNH NĂM 2022				6	5.288	3.879	0	3.879	0	1.409	0	0	0	0	0	0	3.000	0	470	409	0	765	620	24	0
	Xã Tà Bỉnh				2	2.644	1.500	0	1.500		1.144	0	0	0	0	0	0	1.500	0	0	0	0	572	572	0	0
3	Đường ra vùng sản xuất thôn Tà Đắc, xã Tà Bỉnh	m	Nền, mặt đường BTXM dài 610m	2022		1.188	704		704		484						704						242	242		

TT	Địa phương/ danh mục công trình	Đơn vị tính	Quy mô	Năm khởi công	Số lượt g công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư					Ngân sách Trung ương					Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện					
						Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn																			NS Huyện
							Tổng NS TW, tỉnh	Trong đó																		
								NS TW	Định mức	Đi đôi trụ điện																
4	Đường ra GTNT thôn Ga Lêê, xã Tà Bhing	m	Nền, mặt đường BTXM dài 650m, 02 cống thoát nước ngang, rãnh thoát nước dọc	2022		1.456	796		796		660						796						330	330		
	Xã La Dêê				4	2.644	2.379	0	2.379		265	0	0	0	0	0	0	1.500	0	470	409	0	193	48	24	0
5	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Đắc Chờ Dây, xã La Dêê	m	Đắp đầu mối, bể lọc, đường ống cấp nước	2022		1.195	1.075		1.075		120						1.075						48	48	24	
6	Khu thể thao thôn Công Tờ Rơn, xã La Dêê	m2	San nền, hệ thống thoát nước sân, sân cầu lông, bóng chuyền	2022		650	585		585		65						191		200	194		65				
7	Khu thể thao thôn Đắc Chờ Dây, xã La Dêê	m2	San nền, sân cầu lông, bóng chuyền	2022		273	246		246		27						80		100	66		27				
8	Khu thể thao thôn Đắc Pênh, xã La Dêê	m2	San nền, sân cầu lông, bóng chuyền	2022		526	473		473		53						154		170	149		53				
III	CÔNG TRÌNH NĂM 2023				5	9.250	8.400	0	8.400		850	0	0	0	0	0	0	5.000	1.674	1.726	0	0	200	365	286	
	Xã Tà Bhing				3	5.600	5.115	0	5.115	0	485	0	0	0	0	0	0	2.650	939	1.526	0	0	100	200	186	
9	Cầu bê tông cốt thép thôn Ga Lêê, xã Tà Bhing	m	Cầu bê tông cốt thép	2023		3.000	2.700		2.700		300							1.000	800	900			100	125	76	
10	Kênh mương thủy lợi thôn Ga Lêê, xã Tà Bhing	m	Kênh BTCT	2023		1.500	1.425		1.425		75							1.050	139	236				75		
11	Trường mẫu giáo liên xã Tà Bhing - Tà Pơo; HM: Sân nền, tiểu cảnh, khu vui chơi học sinh			2025		1.100	990		990		110							600		390					110	
	Xã La Dêê				2	3.650	3.285	0	3.285		365	0	0	0	0	0	0	2.350	735	200	0	0	100	165	100	
12	Cầu Đắc Chôn qua Măng Pa Liêu	m	Cầu bê tông cốt thép	2023		3.000	2.700		2.700		300							1.900	600	200			100	100	100	
13	Khu thể thao thôn Đắc Rế, xã La Dêê	m2	San nền, sân cầu lông, bóng chuyền	2023		650	585		585		65							450	135					65		
IV	CÔNG TRÌNH NĂM 2024				6	14.495	12.641	0	12.641	0	1.854	0	0	0	0	0	0	8.209	4.432	0	0	0	1.100	754		
	Xã Tà Bhing				1	1.539	1.385	0	1.385		154	0	0	0	0	0	0	1.000	385	0	0	0	100	54		
14	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Tà Đắc xã Tà Bhing	m	đường ống, bể chứa, vòi trụ	2024		1.539	1.385		1.385		154							1.000	385					100	54	
	Xã La Dêê				1	1.396	1.256	0	1.256	0	140	0	0	0	0	0	0	856	400	0	0	0	100	40		
15	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Đắc Ốc, xã La Dêê	m	Bể chứa, đường ống cấp nước	2024		1.396	1.256		1.256		140							856	400					100	40	
	Xã Đắc Tỏi				4	11.560	10.000	0	10.000	0	1.560	0	0	0	0	0	0	6.353	3.647	0	0	0	900	660		
16	Nhà văn hóa thôn Đắc Ro, xã Đắc Tỏi		Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh	2024		1.200	1.080		1.080		120							1.000	80					100	20	

TT	Địa phương/ danh mục công trình	Đơn vị tính	Quy mô	Năm khởi công	Số lượng công trình	Dự kiến tổng mức đầu tư					Ngân sách Trung ương					Ngân sách tỉnh					Ngân sách huyện					
						Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn			NS Huyện																
							Tổng NS TW, tỉnh	Trong đó																		
								NS TW	NS tỉnh		Định mức	Di dời trụ điện														
2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025	2021	2022	2023	2024	2025							
17	Nhà văn hóa thôn Đắc Rich, xã Đắc Tỏi		Nhà sinh hoạt cộng đồng, nhà vệ sinh, sân nền, nền sân, kê bảo vệ	2024		2.500	2.250		2.250		250								1.500	750				150	100	
18	Nhà văn hóa thôn Xóm 10, xã Đắc Tỏi		Nhà sinh hoạt cộng đồng , Nhà vệ sinh, sân nền, nền sân, kê bảo vệ	2024		2.300	2.070		2.070		230								1.500	570				150	80	
19	Nghĩa trang nhân dân xã Đắc Tỏi		sân nền 1,8ha; đường nội bộ, cầu BTCT qua suối Chà Kiếp và đường dẫn vào cầu	2024		5.560	4.600		4.600		960								2.353	2.247				500	460	
V	CÔNG TRÌNH NĂM 2025				1	1.200	1.080	0	1.080	0	120	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.080	0	0	0	0	120
	Xã La Dêê				1	1.200	1.080	0	1.080		120	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.080	0	0	0	0	120
20	Hệ thống nước sinh hoạt thôn Công Tờ Rơn, xã La Dêê	m	Bể chứa, đường ống cấp nước	2025		1.200	1.080		1.080		120									1.080					120	
C	DI DỜI TRỤ ĐIỆN					495	450			450	45	0	0	0	0	0	0	0	450	0	0	0	0	45	0	0

